

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MINH ĐỨC

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU MINH ĐỨC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH DUC IMPORT – EXPORT AND TRADING DEVELOPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107982454

3. Ngày thành lập: 31/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1 nhà A5, TT Công ty CPVL & Xây dựng HN, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
4.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ kinh doanh động vật sống)	4620
7.	Bán buôn gạo	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng)	4662
18.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
21.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
24.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
27.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
28.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
29.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
30.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
31.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
32.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

33.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
34.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
35.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
36.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
37.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
38.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
40.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
41.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Bốc xếp hàng hóa	5224
44.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Xuất bản phần mềm	5820
49.	Hoạt động hậu kỳ	5912
50.	Lập trình máy vi tính	6201
51.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

53.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
54.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình Quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Quản lý chất lượng xây dựng công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng; Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Lập quy hoạch xây dựng; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế, dự toán; thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Giám sát thi công xây dựng;	7110
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

56.	Quảng cáo	7310
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
59.	Cho thuê xe có động cơ	7710
60.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
61.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
62.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
64.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
65.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
66.	Đại lý du lịch	7911
67.	Điều hành tua du lịch	7912
68.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
69.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
70.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
71.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
72.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
74.	Dịch vụ đóng gói	8292
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
76.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
77.	Sản xuất giống thủy sản	0323
78.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
79.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
80.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
81.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
82.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
83.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
84.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
85.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
86.	Sản xuất đường	1072
87.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
88.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
89.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

90.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
91.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
92.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
93.	Sản xuất sợi	1311
94.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
95.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
96.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
97.	In ấn	1811
98.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
99.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
100.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
101.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
102.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
103.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
104.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
105.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
106.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
107.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
108.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
109.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
110.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
111.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
112.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
113.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
114.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
115.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
116.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
117.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
118.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
119.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
120.	Sản xuất giày dép	1520
121.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
122.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
123.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

124.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
125.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
126.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
127.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
128.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
129.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
130.	Sao chép bản ghi các loại	1820
131.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
132.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
133.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
134.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
135.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
136.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
137.	Sản xuất rượu vang	1102
138.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
139.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
140.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
141.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
142.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
143.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
144.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
145.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
146.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
147.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
148.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
149.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
150.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
151.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
152.	Đúc sắt, thép	2431
153.	Đúc kim loại màu	2432
154.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
155.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
156.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
157.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
158.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

159.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
160.	Bán mô tô, xe máy	4541
161.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
162.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
163.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
164.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
165.	Bán buôn tổng hợp	4690
166.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
167.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
168.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
169.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
170.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
171.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
172.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
173.	Sản xuất nhạc cụ	3220
174.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
175.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
176.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
177.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
178.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
179.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
180.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
181.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

182.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
183.	Xây dựng nhà các loại	4100
184.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
185.	Xây dựng công trình công ích	4220
186.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
187.	Phá dỡ	4311
188.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
189.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
190.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
191.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
192.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

6. Vốn điều lệ: 11.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TT Xí nghiệp Cát sỏi số 1, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.100.000.000	10,000	012040288	

2	NGUYỄN THÚY QUỲNH	TT Bệnh viện E, Tổ 23, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	9.900.000.000	90,000	033187001243	
---	-------------------	--	---------------	--------	--------------	--

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THÚY QUỲNH

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/09/1987*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *033187001243*

Ngày cấp: *08/07/2016*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *TT Bệnh viện E, Tổ 23, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *TT Bệnh viện E, Tổ 23, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội